

Số: /2024/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Cơ sở vật chất;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 như sau:

“a) Trường mầm non có quy mô tối thiểu 09 nhóm, lớp và tối đa 30 nhóm, lớp. Đối với trường tại các xã thuộc vùng khó khăn và các trường dân lập, tư thục có quy mô tối thiểu 05 nhóm, lớp;

b) Căn cứ điều kiện các địa phương, có thể bố trí các điểm trường ở những địa bàn khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em đến trường. Bố trí không quá 05 điểm trường; đối với trường tại các xã thuộc vùng khó khăn, tùy theo điều kiện thực tế có thể bố trí không quá 08 điểm trường, trường hợp đặc biệt tại các địa bàn có địa hình hiểm trở, chia cắt bố trí không quá 12 điểm trường.”

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (bao gồm các điểm trường) được xác định trên cơ sở số nhóm, lớp, số trẻ em với bình quân tối thiểu 12m² cho một trẻ em; đối với các đô thị loại III trở lên (theo công nhận loại đô thị của cấp có thẩm quyền) cho phép bình quân tối thiểu 8m² cho một trẻ em.”

3. Sửa đổi điểm b và điểm c khoản 2 Điều 6 như sau:

“b) Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: liên hệ với khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bằng hành lang giao thông, bảo đảm có 01 phòng giáo dục nghệ thuật, bố trí khu vực để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất. Điểm trường có quy mô từ 05 nhóm, lớp trở lên, bố trí 01 phòng giáo dục nghệ thuật;

c) Sân chơi: lắp đặt các thiết bị đồ chơi ngoài trời theo quy định.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“a) Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật: có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng giáo dục thể chất;

b) Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

a) Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em được bổ sung các phân khu chức năng:

Kho nhóm, lớp để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập;

b) Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật: đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 02 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất;

c) Phòng làm quen tin học, ngoại ngữ: có tối thiểu 01 phòng với thiết bị phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với công nghệ thông tin, ngoại ngữ của trẻ em;

d) Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”.

6. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 9 như sau:

“a) Trường tiểu học có quy mô tối thiểu 10 lớp và tối đa 40 lớp. Đối với trường tại các xã thuộc vùng khó khăn có quy mô tối thiểu 05 lớp;”.

7. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (bao gồm các điểm trường) được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh với bình quân tối thiểu 10m² cho một học sinh; đối với các đô thị loại III trở lên (theo công nhận loại đô thị của cấp có thẩm quyền) cho phép bình quân tối thiểu 6m² cho một học sinh. Đối với trường có tổ chức nội trú hoặc ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú; ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú bảo đảm 6m² cho một học sinh.”.

8. Sửa đổi khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Khối phòng học tập

a) Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (nếu có); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học;

b) Phòng học bộ môn: có tối thiểu 03 phòng để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học - Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện kế hoạch và hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

9. Sửa đổi khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 04 phòng, đối với trường có quy mô lớn hơn 25 lớp có tối thiểu 06 phòng để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học - Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện kế hoạch và hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Khối phụ trợ

a) Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

b) Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.”.

11. Sửa đổi khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Diện tích khu đất xây dựng trường (bao gồm các điểm trường) được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh với bình quân tối thiểu 10m² cho một học sinh; đối với các đô thị loại III trở lên (theo công nhận loại đô thị của cấp có thẩm quyền) cho phép bình quân tối thiểu 6m² cho một học sinh. Đối với trường có tổ chức nội trú hoặc ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú; ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú bảo đảm 6m² cho một học sinh.”.

12. Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Khối phòng học tập

a) Phòng học: bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt;

b) Phòng học bộ môn: có tối thiểu 04 phòng để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện kế hoạch và hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

13. Sửa đổi khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 06 phòng, đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 07 phòng để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ và các môn học lĩnh vực khoa học xã hội. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện kế hoạch và hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

14. Sửa đổi khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 08 phòng để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ và các môn học lĩnh vực khoa học xã hội. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện kế hoạch và hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Khối phụ trợ

- a) Phòng các tổ chuyên môn: có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn;
- b) Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;
- c) Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.”.

17. Sửa đổi khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Trường trung học phổ thông có quy mô tối thiểu 15 lớp và tối đa 50 lớp.”.

18. Sửa đổi khoản 3 Điều 17 như sau:

“3. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh với bình quân tối thiểu 10m² cho một học sinh; đối với các đô thị loại III trở lên (theo công nhận loại đô thị của cấp có thẩm quyền) cho phép bình quân tối thiểu 6m² cho một học sinh. Đối với trường có tổ chức nội trú hoặc ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú; ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú bảo đảm 6m² cho một học sinh.”.

19. Sửa đổi khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Khối phòng học tập

a) Phòng học: bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt;

b) Phòng học bộ môn: có tối thiểu 05 phòng để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học, Sinh học. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện kế hoạch và hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

20. Sửa đổi khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 06 phòng, đối với trường có quy mô lớn hơn 30 lớp có tối thiểu 08 phòng để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học, Sinh học và các môn học lĩnh vực khoa học xã hội. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện kế hoạch và hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

21. Sửa đổi khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 08 phòng để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học, Sinh học và các môn học lĩnh vực khoa học xã hội. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện kế hoạch và hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Khối phụ trợ

- a) Phòng các tổ chuyên môn: có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn;
- b) Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;
- c) Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.”.

23. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 21 như sau:

“a) Trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô tối thiểu 09 lớp và tối đa 50 lớp (đối với trường có 02 cấp học), tối đa 75 lớp (đối với trường có 3 cấp học)”.

24. Sửa đổi khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Đối với các cơ sở giáo dục đã được đánh giá tiêu chuẩn cơ sở vật chất khi công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận đạt chuẩn quốc gia trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục theo cấp độ, mức độ đã được công nhận. Thời gian chuyển tiếp thực hiện các Quy định này để đánh giá tiêu chuẩn cơ sở vật chất khi công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận đạt chuẩn quốc gia là 05 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.”.

Điều 2. Bãi bỏ một phần một số điều của Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT như sau:

1. Bãi bỏ điểm b khoản 1 và khoản 5 Điều 7.
2. Bãi bỏ điểm b khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 11.
3. Bãi bỏ điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 4 Điều 15.
4. Bãi bỏ điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 4 Điều 19.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.
2. Quy định chuyển tiếp:

a) Đối với các cơ sở giáo dục đã được đánh giá tiêu chuẩn cơ sở vật chất khi công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận đạt chuẩn quốc gia trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục theo cấp độ, mức độ đã được công nhận. Thời gian chuyển tiếp thực hiện các quy định tại Thông tư này để đánh giá tiêu chuẩn cơ sở vật chất khi công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận đạt chuẩn quốc gia là 05 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình sự nghiệp của các cơ sở giáo dục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không xác định lại tiêu chuẩn, định mức theo Thông tư này.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Cơ sở vật chất và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Như Điều 5;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ CSVC (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng